

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3081 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án bố trí tái định cư cho 21 hộ gia đình bị ảnh hưởng
GPMB thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639),
đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, Nhơn Phú,
thành phố Quy Nhơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 12/7/2023, Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 12/7/2023, Quyết định số 2799/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 và Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và tài sản bị thiệt hại của 19 hộ gia đình, cá nhân do GPMB dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể (tái định cư và thị trường) để tính thu tiền sử dụng đất tại các Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể (tái định cư và thị trường) tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An để tính thu tiền sử dụng đất tại các Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1000/TTr-STNMT ngày 15/08/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bố trí tái định cư cho 21 hộ gia đình bị tảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

- Giao cho 21 hộ gia đình 21 lô đất tái định cư với tổng diện tích là 2.206,5m². Trong đó:

+ 06 lô đất tái định cư (520,0m²) tại các tuyến đường ĐS3 (Khu LK2) và ĐS2, ĐS7 (Khu LK4) thuộc Khu dân cư khu vực 7, 8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.

+ 15 lô đất tái định cư (1.686,5m²) tại các tuyến đường Đ1 (B-B), Đ7, Đ9, Đ14, thuộc Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

- Tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp vào ngân sách nhà nước là **16.352.225.000 đồng** (Mười sáu tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DÙNG ĐẤT PHẢI NỘP CỦA 21 HỘ GIA ĐÌNH DO GPMB

Dự án: Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở						Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp					
			Tổng DT thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn (m ²)	DT thu hồi không bồi thường (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở thị trường	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
A	Các hộ bị thu hồi đất trên địa bàn phường Nhơn Phú										644,0			4.150.000.000
A.1	Bố trí TĐC tại Khu dân cư Khu vực 7-8, phường Nhơn Phú										520,0			3.220.000.000
I	Giải tỏa trắng										520,0			3.220.000.000
1	Võ Mười (chết), vợ Nguyễn Thị Năm	kv6, Nhơn Phú	139,2	139,2	93,2	46,0		660.162.288	Lô 21- Khu LK4-đường ĐS7, rộng 16m	Khu dân cư tại KV7-8, P.Nhơn Phú	100,0	5.500.000	12.000.000	593.940.000
2	Nguyễn Văn Lân, vợ Phạm Thị chinh	kv8, Nhơn Phú	80,0	80,0	80,0			680.000.000	Lô 20- Khu LK4-đường ĐS2, rộng 12m	Khu dân cư tại KV7-8, P.Nhơn Phú	100,0	5.500.000	12.000.000	680.000.000
3	Phan Văn Thanh	kv6, Nhơn Phú	59,9	59,9	50,0	9,9		388.313.000	Lô 5đ- Khu LK2-đường ĐS3, rộng 12m	Khu dân cư tại KV7-8, P.Nhơn Phú	80,0	5.500.000	12.000.000	635.000.000
4	Phan Quốc Hoàng	kv6, Nhơn Phú	58,0	58,0	50,0	8,0		380.960.000	Lô 4đ- Khu LK2-đường ĐS3, rộng 12m	Khu dân cư tại KV7-8, P.Nhơn Phú	80,0	5.500.000	12.000.000	635.000.000
5	Phan Quốc Việt	kv6, Nhơn Phú	56,0	56,0	50,0	6,0		373.220.000	Lô 3đ- Khu LK2-đường ĐS3, rộng 12m	Khu dân cư tại KV7-8, P.Nhơn Phú	80,0	5.500.000	12.000.000	635.000.000
6	Phan Thị Huyền Trân	kv6, Nhơn Phú	57,6	57,6	50,0	7,6		379.412.000	Lô 2đ- Khu LK2-đường ĐS3, rộng 12m	Khu dân cư tại KV7-8, P.Nhơn Phú	80,0	5.500.000	12.000.000	635.000.000
A.2	Bố trí TĐC tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình										124,0			930.000.000
I	Giải tỏa một phần (mặt tiền Hùng Vương)											124,0		930.000.000
1	Trần Văn Đáng (chết), vợ Lê Thị Đầu	kv6, Nhơn Phú	98,9	57,4	125,8			4.403.000.000	Lô 47+48- Khu N-đường Đ1(B-B), rộng 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	124,0	7.500.000		930.000.000
			92,7	37,4										
			62,1	31,0										

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở						Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp					
			Tổng DT thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn (m ²)	DT thu hồi không bồi thường (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở thị trường	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
B	Các hộ có đất bị thu hồi trên địa bàn phường Nhơn Bình										1.562,5			12.202.225.000
I	Giải tỏa trắng										1.376,5			10.807.200.000
1	Phạm Ngọc Đệ, vợ Nguyễn Thị Hào	KV3, P. Nhơn Bình	270,3	270,3	199,9	45,1	25,30	664.576.000	Lô 40+41+42- Khu N-đường Đ1(B-B), rộng 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	217,0	7.500.000	10.000.000	1.670.250.000
2	Nguyễn Thanh Tuấn, vợ Dương Thị Thùy Dung	Tổ 9, khu vực 2, P.Nhơn Bình	123,4	123,4	123,4			1.295.700.000	Lô 43+44- Khu N-đường Đ1(B-B), rộng 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	124,0	7.500.000	10.000.000	931.500.000
3	Huỳnh Văn Hồng, vợ Đặng Thị Hữu	03 Đào Tấn, P.Nhơn Bình	97,6	97,6	97,6			3.318.400.000	Lô 19- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	105,0	7.500.000	10.000.000	806.000.000
4	Nguyễn Thọ (chết), vợ Nguyễn Thị Cường	332+334 Hùng Vương, P.Nhơn Bình	132,4	132,4	120,1		12,28	4.028.290.500	Lô 20- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	120,0	7.500.000		900.000.000
5	Lê Thái (chết), con Lê Tấn Thêm ĐĐKK	KV2, P.Nhơn Bình	87,8	87,8	87,8			2.906.530.000	Lô 21- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	90,0	7.500.000	10.000.000	680.500.000
6	Lê Thì (c), con dâu Mai Thị Xuân (ĐĐKK)	340 Hùng Vương, P.Nhơn Bình	43,1	43,1	43,1			1.508.500.000	Lô 22- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	492.250.000
7	Nguyễn Thực	336 Hùng Vương, P.Nhơn Bình	69,8	69,8	69,8			2.340.746.500	Lô 23- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	7.500.000	10.000.000	575.500.000
8	Nguyễn Khải Định, bà Đinh Thị Thu Hằng	330 Hùng Vương, P.Nhơn Bình	63,7	63,7	63,7			2.229.500.000	Lô 29- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	7.500.000	10.000.000	590.750.000
9	Võ Mười (c), con Võ Thị Bé Bình (ĐĐKK)	KV2, P. Nhơn Bình	33,3	33,3	33,3			742.000.000	Lô 35- Khu N-đường Đ7, rộng 18m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	56,0	8.500.000	11.500.000	544.100.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở						Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp					
			Tổng DT thừa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn (m ²)	DT thu hồi không bồi thường (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở thị trường	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
10	Nguyễn Sĩ Hiệp, vợ Nguyễn Thị Đông Nhi và hộ bà Nguyễn Thị Kiều Minh	KV2, P. Nhơn Bình	13,5	13,5	60,7			607.000.000	Lô 12- Khu O-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	7.500.000	10.000.000	598.250.000
			47,2	47,2										
11	Nguyễn Văn Nhơn	328 Hùng Vương, P.Nhơn Bình	127,4	127,4	127,4			4.459.000.000	Lô 17- Khu O-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	135,0	7.500.000	10.000.000	1.031.500.000
12	Trần Minh Phùng	KV2, P.Nhơn Bình	51,6	51,6	45,0		6,60	472.500.000	Lô 11- Khu O-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	64,5	7.500.000	10.000.000	532.500.000
13	Trần Thị Thao (chết), con Lê Văn Nghiệp + Lê Văn Cường ĐDKK	324+ 326 Hùng Vương, P.Nhơn Bình	175,3	175,3	175,3			5.620.745.000	Lô 19- Khu E-đường Đ9, rộng 14m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	180,0	8.000.000	11.000.000	1.454.100.000
II	Giải tỏa một phần										186,0			1.395.025.000
1	Nguyễn Hậu (chết), con Nguyễn Ngọc Thương ĐDKK	KV2, P.Nhơn Bình	532,7	288,5	185,99	102,5		7.909.714.000	Lô 49+50- Khu N-đường Đ1(B-B), rộng 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	186,0	7.500.000	10.000.000	1.395.025.000
Tổng cộng											2.206,5			16.352.225.000